

Số: /2019/TT-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

*(Dự thảo)*

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định về đồ vật thuộc danh mục cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù và việc thu giữ, xử lý đồ vật thuộc danh mục cấm**

*Căn cứ Luật thi hành án hình sự năm 2019;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tra hình sự;*

*Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư Quy định về đồ vật thuộc danh mục cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù và việc thu giữ, xử lý đồ vật thuộc danh mục cấm,*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định đồ vật thuộc danh mục cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù; thu giữ và xử lý đồ vật thuộc danh mục cấm đưa vào nơi chấp hành án.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại các trại giam, trại tạm giam quân sự và các Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nơi chấp hành án phạt tù* là nơi tổ chức quản lý, giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân, bao gồm trại giam, trại tạm giam quân sự (sau đây gọi là cơ sở giam giữ).

2. *Đồ vật cấm* là những đồ vật được quy định tại Thông tư này, khi đưa vào cơ sở giam giữ có khả năng gây mất an toàn cho cơ sở giam giữ; phạm nhân dùng để tự sát, trốn khỏi nơi giam, gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe, tính mạng

của bản thân hoặc người khác; gây cản trở cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án phạt tù.

## Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### Điều 4. Đồ vật thuộc danh mục cấm đưa vào cơ sở giam giữ

1. Các loại vũ khí, vật liệu nổ: Vũ khí quân dụng các loại; các loại súng săn; vũ khí thô sơ; vũ khí thể thao, vũ khí tự chế và các loại vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự; vật liệu nổ gồm thuốc nổ và phụ kiện nổ các loại, tiền chất thuốc nổ.

2. Công cụ hỗ trợ: Các loại súng bắn đạn nhựa, súng bắn lưới, đạn cao su, hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, la-de, pháo hiệu và các loại đạn sử dụng cho các loại súng này; các loại phương tiện sử dụng để xịt hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, gây ngứa; các loại lựu đạn khói, lựu đạn hơi cay, quả nổ; các loại dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại, bàn chông, dây đinh gai, áo giáp, găng tay điện, găng tay bắt dao, mũ chống đạn, cung, tên, nỏ, ná, khoá số 8 và các loại công cụ hỗ trợ khác.

3. Các chất ma túy, tiền chất ma túy hoặc có chứa chất ma túy, chất gây nghiện, chất hướng thần; chất gây mê, chất độc, khí độc, chất gây ngứa, chất phóng xạ, hoá chất độc hại nguy hiểm.

4. Chất cháy, chất gây cháy (xăng, dầu, cồn, nến, các loại bột lửa, diêm).

5. Các loại thiết bị kỹ thuật, điện tử: Các loại máy ghi âm, máy ghi hình, máy nghe, nhìn, điện thoại di động, bộ đàm và các loại máy thu phát tín hiệu khác (trừ những thiết bị y tế để đảm bảo sức khỏe cho phạm nhân theo chỉ định của cơ quan y tế có thẩm quyền).

6. Các thiết bị dùng để đun nấu, các đồ dùng bằng kim loại, đồ vật sắc, nhọn và các đồ vật có thể làm hung khí; đồ làm bằng sành, sứ, đá, đất nung, thủy tinh; các đồ vật khác như dây lưng, dây điện, dây thép, dây đàn, các loại dây khác có thể dùng để gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của phạm nhân.

7. Rượu, bia, đồ uống có cồn, thuốc lá, thuốc lào, xì gà và các chất kích thích khác; các loại thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh chưa được sự đồng ý của y tế cơ sở giam giữ.

8. Các loại giấy tờ như: Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh của lực lượng vũ trang, hộ chiếu, Sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận nghề, bằng cấp, chứng chỉ và các loại giấy tờ chứng nhận khác.

9. Các loại ấn phẩm: Sách, báo bằng tiếng nước ngoài chưa được qua kiểm duyệt; các ấn phẩm về tôn giáo, tín ngưỡng không được phép lưu hành; tranh,

ảnh, sách, báo, tài liệu, phim, băng, đĩa có nội dung mê tín dị đoan, phản động, đồi trụy; các loại sách, báo, ấn phẩm gây ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý, giáo dục phạm nhân.

10. Tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ, giấy tờ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, thẻ ATM, các loại thẻ thanh toán bằng hình thức điện tử.

11. Các loại bài lá, các đồ vật khác có thể gây mất an toàn cơ sở giam giữ, phạm nhân dùng để trốn trại, gây nguy hại cho bản thân phạm nhân và người khác, ảnh hưởng xấu đến vệ sinh môi trường; các phương tiện, công cụ dùng để đánh bạc dưới mọi hình thức.

### **Điều 5. Phát hiện, thu giữ đồ vật thuộc danh mục cấm**

1. Khi phát hiện việc đưa đồ vật cấm vào cơ sở giam giữ, cán bộ có trách nhiệm tiến hành lập biên bản thu giữ, yêu cầu người vi phạm làm bản tường trình và người làm chứng làm bản báo cáo (nếu có). Trong biên bản phải xác định rõ số lượng, khối lượng, chủng loại, hình dạng, kích thước, màu sắc, tình trạng và các đặc điểm khác của đồ vật cấm bị thu giữ. Những đồ vật nghi là vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, ma túy hoặc đồ vật khác có thể niêm phong được thì phải niêm phong, có chữ ký của người vi phạm, người làm chứng hoặc người chứng kiến.

2. Trường hợp không xác định được đối tượng hoặc đối tượng không có mặt khi thu giữ đồ vật cấm được đưa vào cơ sở giam giữ thì khi thu giữ phải có ít nhất 02 người chứng kiến ký biên bản, niêm phong (nếu có) và tổ chức xác minh làm rõ để xử lý.

3. Cán bộ sau khi lập biên bản thu giữ đồ vật cấm phải báo cáo Thủ trưởng cơ sở giam giữ để xử lý và tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo an toàn.

4. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm bố trí kho lưu giữ, bảo quản và người quản lý đồ vật cấm; việc giao nhận đồ vật cấm phải lập biên bản và vào sổ theo dõi.

### **Điều 6. Xử lý hành vi vi phạm**

1. Phạm nhân có hành vi đưa vào, tàng trữ, sử dụng đồ vật cấm trong cơ sở giam giữ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định. Trường hợp phạm nhân tự giác giao nộp đồ vật cấm sẽ được xem xét giảm nhẹ hình thức xử lý.

2. Những người khác có hành vi giúp sức, bao che hoặc đưa đồ vật cấm vào cơ sở giam giữ thì phải lập hồ sơ xử lý theo quy định.

3. Đối với hành vi đưa vào, sản xuất, chế tạo, tàng trữ, sử dụng đồ vật cấm trong cơ sở giam giữ có dấu hiệu của tội phạm thì Giám thị trại giam tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu theo thẩm quyền và chuyển hồ sơ cho cơ quan

điều tra có thẩm quyền tiến hành điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật; trường hợp vụ việc xảy ra ở trại tạm giam thì giám thị trại tạm giam quân sự bàn giao ngay đồ vật cấm và hồ sơ kèm theo cho cơ quan điều tra có thẩm quyền để giải quyết.

### **Điều 7. Xử lý đồ vật cấm**

1. Đồ vật cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 4 của Thông tư này thì lập biên bản, tiến hành điều tra ban đầu hoặc chuyển ngay cùng hồ sơ, tài liệu có liên quan cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đồ vật cấm quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 Điều 4 của Thông tư này thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ ra quyết định xử lý và tổ chức tiêu hủy.

3. Đồ vật cấm quy định tại Khoản 8 Điều 4 của Thông tư này sau khi thu giữ thì chuyển cho bộ phận lưu ký quản lý theo quy định và được trả cho phạm nhân sau khi phạm nhân chấp hành xong án phạt tù hoặc bàn giao cho thân nhân theo nguyện vọng của phạm nhân.

4. Đồ vật cấm quy định tại các khoản 9, 11 Điều 4 của Thông tư này sau khi thu giữ phải tiến hành kiểm tra, xác minh làm rõ, lập hồ sơ trước khi tổ chức tiêu hủy.

5. Đồ vật cấm quy định tại khoản 10 Điều 4 của Thông tư này sau khi thu giữ thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật; trường hợp phạm nhân tự giác giao nộp thì được gửi lưu ký hoặc giao cho thân nhân theo nguyện vọng của phạm nhân.

6. Các đồ vật cấm có liên quan đến vụ án thì chuyển giao cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Việc xử lý đồ vật cấm bằng hình thức tiêu hủy thì phải thành lập Hội đồng; hội đồng do Giám thị làm Chủ tịch, Phó Giám thị làm Phó Chủ tịch, các thành viên gồm Đội trưởng đội Quản giáo, Đội trưởng đội Vệ binh hỗ trợ tư pháp, cán bộ y tế, trợ lý giam giữ kiêm hồ sơ, nhân viên tài chính.

### **Điều 8. Hồ sơ thu giữ, xử lý đồ vật cấm và xử lý vi phạm**

1. Hồ sơ thu giữ, xử lý đồ vật cấm và xử lý vi phạm bao gồm:

- a) Biên bản vi phạm và thu giữ đồ vật cấm (niêm phong nếu có);
- b) Biên bản ghi lời khai của người vi phạm và người làm chứng (nếu có);
- c) Bản tường trình của người vi phạm;
- d) Báo cáo của cán bộ thu giữ đồ vật cấm và đề nghị hình thức xử lý;

đ) Biên bản họp hội đồng xử lý đồ vật cấm, Biên bản họp hội đồng xử lý kỷ luật phạm nhân hoặc kết luận của cơ quan điều tra trong trường hợp hành vi vi phạm không bị xử lý về hình sự;

e) Quyết định thu giữ đồ vật cấm;

f) Quyết định xử lý đồ vật cấm;

g) Quyết định xử lý vi phạm;

h) Biên bản xử lý đồ vật cấm (biên bản bàn giao, tiêu hủy đồ vật cấm);

i) Biên bản bàn giao hồ sơ, tài liệu có liên quan (nếu chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định);

k) Tài liệu khác có liên quan.

2. Tài liệu thu giữ, xử lý đồ vật cấm và xử lý vi phạm đối với phạm nhân phải được lưu trong hồ sơ phạm nhân; trường hợp đã chuyển giao cho cơ quan khác để giải quyết theo thẩm quyền thì sao lưu hồ sơ để quản lý, lưu trữ theo quy định.

### **Chương III** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020; bãi bỏ Chương IV Nội quy trại giam quân sự ban hành kèm theo Thông tư số 132/2012/TT-BQP ngày 07/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

#### **Điều 10. Trách nhiệm thi hành**

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ quan đơn vị, cá nhân có liên chiụ trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Điều tra hình sự chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Bộ trưởng;
- Đ/c Chủ nhiệm TCCT;
- Đ/c TTMT - Thủ trưởng BQP;
- BTTM, TCCT, BTL BDBP;
- Các Quân khu, Quân đoàn;
- C13, C21, C56, C68, C87, C88;
- Lưu: VT, NCTH; Hg26.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Thượng tướng Lê Chiêm**